BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2012/TT-BCT *Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ, dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nặng;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn của mọi thành phần kinh tế, sử dụng mọi nguồn vốn.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản rắn và các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế mỏ, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn.

Điều 2. Các mỏ phải lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Mỏ, khu mỏ thuộc Dự án quan trọng quốc gia được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư;

2. Mỏ, khu mỏ có trong Danh mục đầu tư của Quy hoạch ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tổng vốn đầu tư lớn hơn 15 tỷ đồng;

3. Mỏ, khu mỏ không có trong Quy hoạch ngành, hoặc Quy hoạch ngành chưa được lập, chưa được phê duyệt, nhưng có văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đồng ý bổ sung vào Quy hoạch hoặc cho phép đầu tư, có tổng vốn đầu tư lớn hơn 15 tỷ đồng và có Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Mỏ, khu mỏ thuộc đối tượng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định, có tổng vốn đầu tư lớn hơn 15 tỷ đồng và có Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Đối với mỏ có tổng vốn đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng thì không phải lập Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 (Nghị định số 12/2009/NĐ-CP) của Chính phủ.

Điều 3. Nội dung Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ

1. Nội dung Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, bao gồm Thuyết minh dự án và Thiết kế cơ sở.

a) Nội dung Thuyết minh dự án

Nội dung Thuyết minh Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khai thác bằng phương pháp lộ thiên hoặc hầm lò thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Nội dung Thiết kế cơ sở

Thiết kế cơ sở bao gồm Thuyết minh thiết kế và Bản vẽ kèm theo, thể hiện các phương án thiết kế, là căn cứ để xác định tổng mức đầu tư, tính toán hiệu quả kinh tế, lựa chọn phương án đầu tư và để triển khai các bước thiết kế tiếp theo.

Nội dung Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 35 Luật Xây dựng và nội dung chi tiết theo yêu cầu của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 4. Nội dung Thiết kế mỏ

Thiết kế mỏ bao gồm thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

Nội dung của thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công của công trình mỏ khoáng sản rắn khi lập phải căn cứ theo nội dung Thiết kế cơ sở của dự án đầu tư

đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giải trình và tính toán chi tiết các yếu tố, chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật của các phương án đã nêu trong Thiết kế cơ sở và các phương án bổ sung (nếu có) để so sánh, lựa chọn và tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn quốc gia hiện hành có liên quan (Ví dụ như: QCVN 01:2011/BCT, QCVN 02:2011/BCT, QCVN 04:2009/BCT, TCVN 5326:2008, TCVN 6780-1-4:2009, Quy phạm kỹ thuật khai thác hầm lò than và diệp thạch 18-TCN-5-2006).

Điều 5. Yêu cầu về năng lực đối với cơ quan tư vấn lập, thẩm định thiết kế mỏ và dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ

1. Các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ năng lực theo quy định tại Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06 tháng 7 năm 2009 (Thông tư số 22/2009/TT-BXD) của Bộ Xây dựng được lập, thẩm định Thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ và Thiết kế mỏ.

2. Đối với dự án mỏ không phải lập Dự án đầu tư xây dựng công trình mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ thì chỉ các Doanh nghiệp tư vấn có đủ năng lực theo quy định tại Thông tư số 22/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng mới được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ.

Điều 6. Cơ quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ

Cơ quan có thẩm quyền thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ được quy định tại Điều 10 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Hội đồng Thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư theo quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ thực hiện việc thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ và các dự án khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

2. Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định dự án đầu tư để tổ chức thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ do mình quyết định đầu tư.

3. Đối với Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khác, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư tự quyết định hình thức, tổ chức thực hiện thẩm định.

4. Đối với dự án mỏ không phải lập Dự án đầu tư xây dựng công trình mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ, thì Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ đạo Chủ đầu tư thuê Doanh nghiệp tư vấn có đủ năng lực theo quy định tại Thông tư số 22/2009/TT-BXD của Bộ Xây Dựng để thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ.

Điều 7. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở

1. Bộ Công Thương tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ quan trọng quốc gia, dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ

nhóm A. Tổng cục Năng lượng là cơ quan đầu mối của Bộ về tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ than; Vụ Công nghiệp nặng là cơ quan đầu mối tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở mỏ khoáng sản khác (ngoài than) theo thẩm quyền.

2. Bộ Xây dựng tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng nhóm A.

3. Sở Công Thương là cơ quan nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản thuộc nhóm B, C xây dựng tại địa phương.

4. Sở Xây dựng là cơ quan nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng thuộc nhóm B, C xây dựng tại địa phương.

5. Đối với dự án mỏ không phải lập Dự án đầu tư xây dựng công trình mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ và không lập Thiết kế cơ sở, thì Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ quyết định đầu tư sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Công Thương hoặc Sở Xây dựng về nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ và thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ bao gồm:

a) Tờ trình thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Hồ sơ Dự án bao gồm Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ và Thiết kế cơ sở;

c) Ý kiến về Thiết kế cơ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Văn bản cho phép đầu tư đối với Dự án quan trọng quốc gia; Văn bản chấp thuận bổ sung quy hoạch của cấp có thẩm quyền; Văn bản cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền;

e) Văn bản về quy hoạch xây dựng, bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Văn bản pháp lý khác có liên quan đến dự án, chủ đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân làm công tác tư vấn, thiết kế;

Số lượng hồ sơ cụ thể theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, nhưng ít nhất là 9 bộ.

2. Hồ sơ xin ý kiến về Thiết kế cơ sở

a) Tờ trình xin ý kiến về Thiết kế cơ sở (theo Mẫu số 1 và 2 kèm theo Thông tư này);

b) Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp là chủ đầu tư và Doanh nghiệp hoặc cá nhân làm tư vấn (Giấy phép thành lập doanh nghiệp, Đăng ký kinh doanh, Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh, Chứng chỉ hành nghề);

c) Bản sao các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, Giấy phép có liên quan đến công tác thăm dò, khai thác khoáng sản và văn bản phê duyệt các tài liệu địa chất, địa hình, trữ lượng khoáng sản sử dụng để thiết kế;

d) Quyết định chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của cấp có thẩm quyền trong trường hợp Thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn nước ngoài (thực hiện theo Thông tư số 40/2009/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam);

e) Hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ (trọn bộ, số lượng hồ sơ cụ thể theo yêu cầu của cơ quan nhà nước được hỏi ý kiến, nhưng ít nhất là 3 bộ).

Khi nộp hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan nhà nước quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về Thiết kế cơ sở, Chủ đầu tư đồng thời phải nộp phí thẩm định cho các cơ quan nhà nước theo tỷ lệ quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức thẩm định

a) Cơ quan thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ chuẩn bị tài liệu và các công việc cần thiết khác cho việc thẩm định, tiếp nhận hồ sơ, tiến hành thẩm định, tổng hợp ý kiến của các cơ quan và soạn thảo Quyết định đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ quan tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở chuẩn bị tài liệu và các công việc cần thiết khác cho việc tiếp nhận hồ sơ, nghiên cứu, xem xét, kiểm tra và chuẩn bị văn bản để trình cấp có thẩm quyền ký Văn bản tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở gửi cho Chủ đầu tư và Người có thẩm quyền quyết định đầu tư (Văn bản tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở theo Mẫu số 3 và Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 9. Thời gian thẩm định và xin ý kiến về thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ

Thời gian thẩm định Dự án và xin ý kiến góp ý về Thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 1 của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 và khoản 7 điều 10 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 10. Nội dung thẩm định dự án và tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở

1. Nội dung thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Sự cần thiết và phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch mạng hạ tầng kỹ thuật liên quan; trường hợp chưa có các quy hoạch trên thì phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó. Sự đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước của sản phẩm dự án. Tính hợp lý, khả thi và hiện thực của giải pháp kỹ thuật. Giải pháp an toàn, vệ sinh công nghiệp.

b) Tính đầy đủ và phù hợp của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đối với phương pháp khai thác lộ thiên hoặc hầm lò (được quy định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 của Thông tư này).

c) Sự phù hợp so với Báo cáo đầu tư xây dựng công trình đã được Quốc hội thông qua chủ trương và Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ quan trọng quốc gia, hoặc công trình do Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư.

d) Sự phù hợp của Thiết kế cơ sở về quy hoạch xây dựng, quy mô xây dựng, công nghệ, công suất thiết kế, cấp công trình.

e) Tính pháp lý, độ tin cậy của các tài liệu sử dụng trong thiết kế.

g) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật so với yêu cầu của dự án.

h) Sự phù hợp của Thiết kế cơ sở với phương án kiến trúc đã được lựa chọn thông qua thi tuyển đối với trường hợp có thi tuyển phương án kiến trúc.

i) Tính hợp lý của các giải pháp thiết kế được lựa chọn trong Thiết kế cơ sở.

k) Văn bản tham gia ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Thiết kế cơ sở.

l) Văn bản của cấp có thẩm quyền về bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường sinh thái.

m) Thẩm định nội dung phần vốn đầu tư và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

n) Điều kiện, tư cách pháp nhân và năng lực hành nghề của tổ chức tư vấn hoặc của cá nhân lập Dự án và Thiết kế cơ sở.

2. Đối với dự án mỏ chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ nêu tại Điều 13 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, thì công tác thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng.

3. Nội dung tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở

a) Các văn bản pháp lý của Dự án (về tư cách pháp nhân của chủ đầu tư, của cơ quan tư vấn, chủ trương đầu tư, tài liệu địa chất mỏ, thỏa thuận địa điểm xây dựng dự án).

b) Sự phù hợp của Thiết kế cơ sở với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mạng hạ tầng kỹ thuật và các quy hoạch khác có liên quan.

c) Sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài mỏ.

d) Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật, an toàn trong khai thác mỏ, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ.

đ) Tính hợp lý của các giải pháp thiết kế của phương án lựa chọn trong Thiết kế cơ sở.

e) Tính đầy đủ và phù hợp về nội dung của Thiết kế cơ sở (được quy định tại Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

g) Điều kiện, tư cách pháp nhân và năng lực hành nghề của tổ chức tư vấn hoặc của cá nhân lập Thiết kế cơ sở.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình mỏ thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án đầu tư mỏ quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội và các dự án quan trọng khác.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định đầu tư các dự án đầu tư mỏ sử dụng nguồn vốn ngân sách; riêng dự án nhóm B và C có thể ủy quyền cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

c) Chủ đầu tư tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư mỏ sử dụng nguồn vốn khác và nguồn vốn hỗn hợp.

2. Nội dung Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 12/2008/NĐ-CP của Chính phủ và được hướng dẫn chi tiết tại Mẫu số 5 và 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ

1. Công tác thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với dự án mỏ chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ (nêu tại Điều 13 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP), thì công tác thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công của công trình mỏ thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng.

Điều 13. Trách nhiệm của Người quyết định đầu tư

Tùy theo đặc điểm cụ thể của từng loại hình khoáng sản rắn (than, quặng kim loại, phi kim loại, vật liệu xây dựng và nguyên liệu sản xuất xi măng), trên cơ sở nội dung hướng dẫn tại các Phụ lục 1, 2, 3 và 4 ban hành kèm theo Thông tư này, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư được quyền bổ sung, điều chỉnh nội dung các Phụ lục nêu trên cho phù hợp với thực tế và phải chịu trách nhiệm về sự bổ sung, điều chỉnh đó.

Điều 14. **Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thay thế Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân nêu tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện có văn bản báo cáo Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Dương Quang

Phụ lục số 1

(Kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN

PHẦN I. THUYẾT MINH DỰ ÁN

MỤC LỤC

TT	Tên Chương mục	Số trang
I	**Khái quát chung về Dự án**	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác	
II	**Giải pháp kỹ thuật**	
5	Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn	
	5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường	
	5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác	
	5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ	
	5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
6	Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	6.1. Công tác chế biến khoáng sản	
	6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
	6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc)	
7	Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	**Phân tích tài chính**	
8	Chương 8. Vốn đầu tư	
9	Chương 9. Hiệu quả kinh tế	
IV	**Kết luận và kiến nghị**	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):

- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư, hoặc văn bản thỏa thuận bổ sung quy hoạch, thỏa thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất; thỏa thuận về địa điểm; nguồn đấu nối điện, nước, giao thông và tài liệu mỏ khác của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm của dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế và cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và ngoài nước đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư

Xác định sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình, các chế độ, chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển mỏ, các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong đầu tư.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng

2.2.1. Mục tiêu đầu tư: Sử dụng trong nước, thay thế hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ngành hay theo yêu cầu của thị trường.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất..

Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm: Trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như yêu cầu về trang, thiết bị để nêu ra những yêu cầu cần phải đáp ứng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ như: cung cấp điện, nước, nguyên, nhiên liệu (nếu có) và đưa ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích, lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất khoáng sản, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt kết quả xác định phương án chọn về mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu kết quả lựa chọn về phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện và kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Công tác chế biến khoáng sản: Mô tả tóm tắt phương pháp và sản phẩm của công tác chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Mô tả tóm tắt công tác sửa chữa, cơ điện và kho tàng.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc): Mô tả tóm tắt về giải pháp đáp ứng mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc - xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: Xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý. Giải pháp và tiến độ hoàn thổ môi trường, phục hồi môi sinh. (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động; Xác định sơ đồ và mô hình quản lý. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1.Vốn đầu tư

Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng;
- Chi phí thiết bị;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Chi phí quản lý dự án;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí khác;
- Chi phí dự phòng

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành

Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế

Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.

Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.

Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (của chi phí sản xuất, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

Nêu kết luận và kiến nghị của phần phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án.

Phụ lục số 2

(Kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ HẦM LÒ

PHẦN I. THUYẾT MINH DỰ ÁN

MỤC LỤC

TT	Tên Chương mục	Số trang
I	**Khái quát chung về Dự án**	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình, địa điểm xây dựng và nhu cầu sử dụng đất	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác	
II	**Giải pháp kỹ thuật**	
5	Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ	
	5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường	
	5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	5.3. Khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác	
	5.4. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng	
	5.5. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng	
	5.6. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị	
	5.7. Vận tải trong lò, chèn lấp lò (nếu có)	
	5.8. Thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	
6	Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	6.1. Chế biến khoáng sản	
	6.2. Sửa chữa cơ điện, kho tàng	

TT	Tên Chương mục	Số trang
	6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị)	
7	Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	**Phân tích tài chính**	
8	Chương 8. Vốn đầu tư	
9	Chương 9. Hiệu quả kinh tế	
IV	**Kết luận và kiến nghị**	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):

- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư hoặc văn bản thỏa thuận bổ sung quy hoạch, thỏa thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất, thỏa thuận về địa điểm, nguồn đấu nối điện, nước, giao thông và tài liệu thiết kế của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế đối với sản phẩm nhập ngoại cùng mã hiệu, chất lượng và cạnh tranh với sản phẩm nhập ngoại cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và nước ngoài đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư

Các chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển ngành, những ưu tiên được phân định.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng

2.2.1. Mục tiêu đầu tư khai thác khoáng sản: đáp ứng như cầu trong nước, cho xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành và/hoặc yêu cầu của khách hàng.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất..

Chương 4. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Tính toán, luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm

Trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như toàn bộ trang thiết bị mua sắm, lắp đặt, cần tính toán các nhu cầu đầu vào phải đáp ứng cho hoạt động khai thác mỏ và chế biến khoáng sản như: cung cấp điện, nước, nguyên nhiên liệu (nếu có) và nêu ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích và lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, Biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác: Nêu tóm tắt kết quả lựa chọn phương pháp khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác mỏ.

5.4. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng: Nêu tóm tắt giải pháp lựa chọn về các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng.

5.5. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng: Mô tả tóm tắt giải pháp lựa chọn thiết bị nâng, thiết bị vận tải qua giếng.

5.6. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị: Mô tả tóm tắt các giải pháp lựa chọn về hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác đào lò chuẩn bị và chèn lấp lò (nếu có).

5.7. Vận tải trong lò: Mô tả tóm tắt giải pháp về vận tải trong lò, lựa chọn đầu máy và xe goòng (nếu sử dụng).

5.8. Thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp: Nêu tóm tắt kết quả xác định của Thiết kế cơ sở về thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chế biến khoáng sản: Nêu kết quả xác định giải pháp về chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện, kho tàng: Nêu kết quả xác định giải pháp về sửa chữa cơ điện và kho tàng phục vụ sản xuất mỏ.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị): Nêu các kết quả xác định giải pháp về mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp lựa chọn, bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của Thiết kế cơ sở. Nêu giải pháp và lịch biểu tổ chức xây dựng của Dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý chúng (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất mỏ và bố trí lao động: Xác định sơ đồ và mô hình quản lý mỏ. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1. Vốn đầu tư

Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng;
- Chi phí thiết bị;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Chi phí quản lý dự án;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí khác;
- Chi phí dự phòng.

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm: Vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành

Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế

Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.

Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.

Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (vốn đầu tư, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

Nêu kết luận và kiến nghị của phần phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án

Phụ lục số 3

(Kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN

PHẦN II. THIẾT KẾ CƠ SỞ

A. THUYẾT MINH

MỤC LỤC

TT	Tên Chương mục	Số trang
	Lời nói đầu	
	I . Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có)	
	II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
3	Chương 3: Biên giới và trữ lượng khai trường	
4	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
5	Chương 5. Mở mỏ và trình tự khai thác	
6	Chương 6. Hệ thống khai thác	
7	Chương 7. Vận tải trong mỏ	
8	Chương 8. Thải đất đá	
9	Chương 9. thoát nước mỏ	
10	Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
11	Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản	
12	Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
13	Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng	
14	Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hóa	
15	Chương 15. Kiến trúc và xây dựng	

TT	Tên Chương mục	Số trang
16	Chương 16. Cung cấp nước và thải nước	
17	Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ	
18	Chương 18. Tổ chức xây dựng	
19	Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
20	Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
21	Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án, phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài, thì Cơ quan lập Thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo "Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam" do Bộ Xây dựng hướng dẫn.

Phần I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn. Trữ lượng địa chất đã được phê duyệt. Đánh giá mức độ thăm dò, độ tin cậy của tài liệu và kiến nghị bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

Phần II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3. Biên giới và trữ lượng khai trường

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích).

Trữ lượng khai trường bao gồm: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, các tổn thất, trữ lượng công nghiệp

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận khai thác, trực tiếp, gián tiếp và chế biến khoáng sản nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số công trường khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất được xác định theo quặng nguyên khai, tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn.

Tuổi thọ (thời gian tồn tại) của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác theo thiết kế (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Tuổi thọ của khu vực, tuổi thọ của toàn mỏ cần tính theo 2 phương án công suất để so sánh, lựa chọn.

Chương 5. Mở vỉa và trình tự khai thác

Phương án mở vỉa lựa chọn trên cơ sở điều kiện địa hình và đặc điểm thế nằm của vỉa khoáng sản.

Trình tự khai thác chung toàn mỏ và trình tự khai thác riêng cho từng công trường hoặc từng khai trường của mỏ.

Chương 6. Hệ thống khai thác

Lựa chọn hệ thống khai thác trên cơ sở điều kiện khai thác của mỏ. Tính toán các thông số của hệ thống khai thác đã lựa chọn: Chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc, góc nghiêng sườn tầng khai thác, góc nghiêng sườn tầng kết thúc, góc nghiêng bờ công tác, bờ kết thúc trên cơ sở độ ổn định bờ tầng, bờ mỏ.

Tính toán các khâu công nghệ chính như: chuẩn bị đất đá, khoan - nổ mìn, xúc bốc, công nghệ khai thác quặng (đối với các mỏ quặng, mỏ khai thác than). Đồng bộ thiết bị sử dụng cho công nghệ khai thác và tính toán lựa chọn về chủng loại, mã hiệu, số lượng.

Chương 7. Vận tải trong mỏ

Lựa chọn các phương án vận tải trong mỏ (vận tải bằng ôtô, đường sắt, băng tải hoặc các hình thức khác) trên cơ sở đó tính toán vận tải cho từng đối tượng: đất đá thải, khoáng sản có ích hay người và vật liệu.

Lựa chọn chủng loại, mã hiệu tính toán số lượng thiết bị vận tải, cũng như tính toán về các thông số của tuyến đường vận tải (đối với vận tải ôtô, đường sắt, băng tải).

Chương 8. Thải đất đá

Tính toán khối lượng đất đá thải, lựa chọn vị trí đổ thải, tính toán dung tích bãi thải, công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thải đất đá.

Chương 9. thoát nước mỏ

Tính toán lượng nước chảy vào moong khai thác và lựa chọn phương án thoát nước phù hợp.

Tính toán lựa chọn thiết bị phục vụ cho thoát nước mỏ.

Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy

Các giải pháp kỹ thuật an toàn cho các khâu công nghệ khai thác. Các biện pháp chống tụt lở bờ mỏ, chống sự cố nước ngầm, nước mặt gây lũ quyét ảnh hưởng đến khai thác mỏ.

Các giải pháp về vệ sinh công nghiệp, chống bụi và thông khí mỏ khi xuống sâu (nếu có). Các giải pháp về phòng chống cháy, nổ.

Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản

Trong trường hợp dự án mỏ yêu cầu có sản phẩm là quặng đã qua chế biến để đạt tiêu chuẩn nhất định thì phải lựa chọn công nghệ chế biến và các thiết bị hợp lý nhằm thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản. Thiết kế cần lập ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Nếu chủ đầu tư có nhu cầu lập riêng Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến khoáng sản thì Dự án đầu tư chế biến khoáng sản được lập theo yêu cầu của Chủ đầu tư và Chương này chỉ nêu tóm tắt nội dung các giải pháp chính đã lựa chọn.

Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng

Lựa chọn các giải pháp về sửa chữa cơ điện kho tàng và các công trình phụ trợ. Lựa chọn thiết bị phục vụ đối với từng thành phần (như khối sửa chữa cơ điện, khối kho thành phẩm và bán thành phẩm, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ) nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng và hoạt động của toàn bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ đã lựa chọn.

Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Các chỉ tiêu, tiêu hao về điện. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng.

Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hóa

Xác định mức độ cần thiết, giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ.

Chương 15. Kiến trúc và xây dựng

Nêu cơ sở thiết kế, quy mô xây dựng các nhà, xưởng và công trình xây dựng khác phục vụ cho khai thác mỏ trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiến trúc và kết cấu công trình.

Chương 16. Cung cấp nước và thải nước

Tính toán nhu cầu về sử dụng nước công nghiệp, sinh hoạt, nước phục vụ cho khai thác mỏ. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp nước.

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và so sánh lựa chọn giải pháp cung ứng.

Các giải pháp về xử lý và thải các loại nước bẩn từ sân công nghiệp và công trình khác của mỏ (nước thải từ mặt bằng sân công nghiệp, nước thải từ khu vực sinh hoạt) ra môi trường.

Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Trên cơ sở các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho khai thác mỏ đã tính toán lựa chọn, bố trí tổng mặt bằng cần bảo đảm các yêu cầu như: Phù hợp với phương án mở vỉa và hệ thống khai thác đã chọn, an toàn mỏ, thuận lợi về giao thông vận tải trong và ngoài mỏ, gần các nguồn điện, nước.

Nêu các phương án vận tải ngoài mỏ. Thiết kế cần nêu ít nhất 2 phương án để lựa chọn phương án vận tải ngoài mỏ.

Chương 18. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức thi công các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác khai thác mỏ như: nhà, công trình, đường vận tải và kho tàng. Phương án bóc đất trong thời gian xây dựng mỏ (bóc đất xây dựng cơ bản nếu có).

Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế lao động cho bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản

xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ. Năng suất lao động của từng bộ phận sản xuất trực tiếp, gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mồ mả, công trình). Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Lịch trình thực hiện.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế

Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế.

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ MỎ LỘ THIÊN

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Bản đồ địa hình có lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
3	Bình đồ tính trữ lượng khoáng sản (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
4	Các mặt cắt địa chất đặc trưng (tỷ lệ 1/500; 1/1.000)	
5	Bản đồ mở vỉa năm thứ nhất (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
6	Bản đồ kết thúc xây dựng cơ bản mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Các bản đồ khai thác năm thứ 1 đến năm đạt công xuất thiết kế (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
8	Bản đồ chuyển giai đoạn khai thác (nếu có) (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000)	
9	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.0000).	
10	Sơ đồ công nghệ và các yếu tố hệ thống khai thác	
11	Bản vẽ các thông số khoan - nổ mìn (nếu có)	
12	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
13	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
14	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (Đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phần công nghệ với kiến trúc)	
15	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hóa điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén	
16	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 hoặc 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng	
17	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải (đường ô tô, đường sắt, băng tải)	
18	Bản đồ tổng mặt bằng Nhà máy chế biến khoáng sản (tỷ lệ 1/2.000)	
19	Sơ đồ công nghệ dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến khoáng sản	
20	Sơ đồ nguyên lý định tính, định lượng của dây chuyền chế biến khoáng sản	
21	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.	
22	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	

Phụ lục số 4

(Kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ HẦM LÒ

PHẦN II. THIẾT KẾ CƠ SỞ

A. THUYẾT MINH

MỤC LỤC

TT	Tên Chương mục	Số trang
	Mở đầu	
	Phần I: Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện địa chất mỏ	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có)	
	Phần II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
3	Chương 3. Biên giới và trữ lượng khai trường	
4	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
5	Chương 5. Khai thông	
6	Chương 6. Chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác	
7	Chương 7. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm	
8	Chương 8. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng	
9	Chương 9. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa và đào lò chuẩn bị	
10	Chương 10. Vận tải trong mỏ	
11	Chương 11. Thông gió mỏ	
12	Chương 12. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	
13	Chương 13. Tháo khô và thoát nước khai trường	
14	Chương 14. Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ	
15	Chương 15. Công tác chế biến khoáng sản	
16	Chương 16. Chèn lấp lò (nếu có)	
17	Chương 17. Các phân xưởng phụ	

TT	Tên Chương mục	Số trang
18	Chương 18. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng	
19	Chương 19. Thông tin liên lạc, tự động hóa	
20	Chương 20. Cung cấp khí nén	
21	Chương 21. Kiến trúc - xây dựng	
22	Chương 22. Cung cấp nước và thải nước	
23	Chương 23. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ	
24	Chương 24. Tổ chức xây dựng	
25	Chương 25. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
26	Chương 26. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
27	Chương 27. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của Dự án	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia lập dự án.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án, phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài, thì Cơ quan lập thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo "Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam" do Bộ Xây dựng hướng dẫn.

Phần I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản ý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như: đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn, trữ lượng địa chất đã được phê duyệt, đánh giá mức độ thăm dò và kiến nghị thăm dò bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

Phần II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3. Biên giới và trữ lượng mỏ

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích, độ cao đáy mỏ).

Trữ lượng mỏ cần xác định: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, trữ lượng công nghiệp.

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và thời gian tồn tại của mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận: khai thác trực tiếp, gián tiếp, chế biến nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện khai thác cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số khu và lò chợ có thể khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, khả năng áp dụng cơ giới hóa khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất mỏ được xác định theo quặng nguyên khai và tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn phương án tối ưu.

Thời gian tồn tại của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Chương 5. Khai thông

Luận giải mức mức khai thông khai trường. Nêu ít nhất 2 phương án về mức khai thông để lựa chọn.

Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án khai thông và so sánh lựa chọn các chỉ tiêu kỹ thuật để chọn phương án có chỉ tiêu kỹ thuật ưu việt nhất (có thể nêu các phương án khai thông bằng các loại giếng nghiêng, giếng đứng hoặc giếng nghiêng và giếng đứng hỗn hợp). Các phương án khai thông cần mô tả, lập luận so sánh ưu nhược điểm. (lập bảng so sánh các chỉ tiêu như: vị trí mặt bằng cửa giếng, mặt bằng sân công nghiệp, độ sâu khai thác, phân chia khu khai thác, giải pháp khai thông, khối lượng đường lò khai thông). Tính toán, lập luận khả năng thông qua, chọn tiết diện, vật liệu chống của giếng. Chọn loại tiết diện, sân ga. Liệt kê các thông số của giếng chính, phụ.

Chương 6. Chuẩn bị khai trường và trình tự khai thác

Sơ đồ chuẩn bị khai trường (chia tầng, phân tầng, chia khoảnh). Phương án đào lò chuẩn bị (đào lò trong đá, đào lò trong thân quặng). Chiều dài khu khai thác,

chiều dài lò chợ của các vỉa tham gia đạt công suất thiết kế và các khu, vỉa duy trì sản xuất. Khối lượng đường lò chuẩn bị của các phương án đến năm đạt công suất thiết kế theo các loại đường lò trong đá và trong vỉa hoặc thân quặng (lò bằng, lò nghiêng, giếng đứng, giếng nghiêng).

Lập luận về trình tự khai thác, lịch khai thác, lịch xây dựng cơ bản. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Chương 7. Các giếng mỏ, sân ga, hầm trạm

Luận giải các vị trí để bố trí giếng mỏ, các giải pháp bố trí sân ga và hầm trạm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Chương 8. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng

Xác định các phương án công nghệ vận tải qua giếng hợp lý. Lập luận chọn loại, số lượng thiết bị nâng, vận chuyển (trục tải, trục skip, băng tải, máng cào, tàu điện) ở giếng nghiêng, giếng đứng, ở mức vận tải chính, vận tải phụ, mức vận tải trung gian trên cơ sở sơ đồ khai thông, chuẩn bị và công suất mỏ đã lựa chọn nhằm bảo đảm vận tải khoáng sản có ích, đất đá thải, vật liệu và người.

Chương 9. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị

Luận giải để lựa chọn hệ thống khai thác hợp lý bảo đảm công suất khai thác thiết kế, tiết kiệm vật liệu chống, an toàn, phù hợp với điều kiện địa chất của vỉa, xác định phương tiện cơ giới hóa trong lò chợ. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Tính toán các thông số của hệ thống khai thác, luận giải, lựa chọn các phương tiện cơ giới hóa đào lò chuẩn bị, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị khai thác, đào lò.

Tổ chức đào lò (hộ chiếu chống lò, biểu đồ tổ chức) trong gương lò chợ, lò chuẩn bị. Điều khiển đá vách, khai thác, vận tải quặng trong lò. Công tác khoan - nổ mìn trong gương lò chợ, lò chuẩn bị (nếu có).

Chương 10. Vận tải trong mỏ

Xác định các phương án, công nghệ vận tải trong mỏ, vận tải trong lò hợp lý. Lập luận lựa chọn loại, mã hiệu, tính toán số lượng thiết bị vận chuyển (trục tải, trục skip, băng tải, máng cào, tàu điện) ở mức vận tải chính mức vận tải trung gian, trong lò bằng, lò nghiêng. Lựa chọn chủng loại gòong, số lượng gòong cần thiết cho vận chuyển (nếu sử dụng) khi mỏ đạt công suất.

Chương 11. Thông gió mỏ

Xác định cấp khí mỏ, lựa chọn sơ đồ và phương pháp thông gió, thông gió cho lò chợ, thông gió đào lò chuẩn bị, xác định lưu lượng gió cung cấp cho lò chợ khai thác theo các yếu tố, xác định lưu lượng và hạ áp mỏ giai đoạn thông gió khó khăn nhất. Lựa chọn quạt gió, công suất động cơ quạt, lựa chọn hợp lý chủng loại, số

lượng quạt gió cho từng khu vực và toàn mỏ theo các giai đoạn phát triển trên cơ sở sơ đồ khai thông chuẩn bị và hệ thống khai thác của các phương án công nghệ mỏ, khối lượng công trình cần xây dựng phục vụ công việc thông gió.

Chương 12. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp

Các biện pháp chống bụi nổ và khí nổ (nếu có), các biện pháp chống cháy mỏ, phòng chống nước mặt, chống bục nước, phụt khí cho hệ thống lò.

Các phương án cấp cứu và cứu hỏa.

Chương 13. Tháo khô và thoát nước khai trường

Biện pháp tháo khô sơ bộ thân khoáng sàng (nếu cần thiết) và thoát nước hợp lý cho mỏ, lựa chọn bơm và sơ đồ thoát nước phù hợp với yêu cầu thoát nước bảo đảm cho hoạt động khai thác được an toàn. (Nêu các thông số cơ bản như: Lưu lượng nước cần thoát: $Q_{min,}$, Q_{tb}, Q_{max} , Tính toán chọn máy bơm, chọn đường kính dẫn, lưu lượng nước cần thoát, tính toán chọn máy bơm, chiều dài hầm bơm, chiều rộng hầm bơm. Trạm bơm chính, trạm bơm khu vực...v.v.).

Chương 14. Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ

Lựa chọn các giải pháp nhận khoáng sản đã được khai thác từ trong mỏ đưa ra và đưa khoáng sản ra đến điểm chuyển tải, vận tải đất đá ra bãi thải, vận chuyển vật liệu, người và thiết bị khai thác vào lò (kể cả vật liệu chèn lấp lò).

Chương 15. Công tác chế biến khoáng sản

Nêu đặc tính, chất lượng quặng nguyên khai của mỏ và yêu cầu chất lượng sản phẩm của các hộ tiêu thụ. Lập luận việc tổ chức nhà máy hoặc phân xưởng chế biến tại mỏ, hệ thống xử lý quặng, đá quá cỡ. Tính toán cân bằng và thu hồi sản phẩm. Kiểm tra khối lượng và chất lượng sản phẩm. Nêu ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Chương 16. Chèn lấp lò (nếu có)

Các giải pháp tổ chức chèn lấp lò từ khâu khai thác vật liệu, chuẩn bị vật liệu, đưa vật liệu vào lò và công nghệ chèn lấp, lựa chọn thiết bị và xác định khối lượng công trình liên quan đến việc chèn lấp lò.

Chương 17. Các phân xưởng phụ

Lựa chọn các công trình phụ trợ, chương trình sản xuất và quy mô xây dựng. Lựa chọn thiết bị của từng công trình phụ trợ thành phần (như của khối sửa chữa kho tàng, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ, kho thiết bị chống, thiết bị cồng kềnh và xưởng gia công vì chống; của khối kiểm tu goòng và bôi trơn v.v...) nhằm đồng bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ mỏ lựa chọn.

Lập luận việc thành lập Phân xưởng sản xuất kinh doanh sản phẩm phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 18. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải điện và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng. Các chỉ tiêu về cung cấp điện và liệt kê trang thiết bị điện.

Chương 19. Thông tin liên lạc, tự động hóa

Xác định mức độ cần thiết, các giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ, hệ thống cảnh bảo khí mê tan.

Chương 20. Cung cấp khí nén

Xác định nhu cầu khí nén và chọn giải pháp cung cấp khí nén hợp lý.

Chương 21. Kiến trúc - xây dựng

Các giải pháp kiến trúc, xây dựng các công trình trên mặt đất và khối lượng các công trình. Các giải pháp phòng chống chữa cháy, thông gió, chiếu sáng và điều hòa nhiệt độ (nếu cần thiết), v, v . . .

Chương 22. Cung cấp nước và thải nước

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và thải các loại nước bẩn từ mỏ đi (nước trong lò chảy ra, nước sinh hoạt).

Chương 23. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Các giải pháp bố trí tổng mặt bằng, các giải pháp vận tải trong phạm vi mặt bằng mỏ và vận tải ngoài mỏ. Các công trình phục vụ vận tải. Các công trình xây dựng cảnh quan, sinh thái trên mặt bằng (cây xanh, hồ nước).

Chương 24. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức xây dựng các hạng mục công trình trên mặt mỏ như: xây lắp thiết bị và nhân lực thi công, đơn vị thi công, cung cấp vật liệu xây dựng, nguồn cung cấp. Thời gian xây dựng và tiến độ đầu tư.

Phương án tổ chức xây dựng các hạng mục công trình hầm lò: công tác xây lắp, thiết bị và nhân lực thi công, đơn vị thi công, cung cấp vật liệu xây dựng, cung cấp điện nước, thời gian thi công. Khối lượng xây lắp hầm lò. Các giải pháp kỹ thuật thi công như: công nghệ đào, chống lò, thông gió, cung cấp khí nén, cung cấp nước, cung cấp điện thi công. Vận tải đất đá trong lò và thải đá. Thời gian xây dựng và tiến độ đầu tư.

Chương 25. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương 26. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế, năng suất lao động cho từng bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 27. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mồ mả, công trình khác và cây cối hoa màu)

Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế

Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế.

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ MỎ HẦM LÒ

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Các bản đồ địa chất có lộ vỉa, tính trữ lượng, mặt cắt địa chất điển hình, cột địa tầng, thiết đồ lỗ khoan điển hình	
3	Biên giới khai trường các phương án và vị trí các cửa lò (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
4	Sơ đồ khai thông các phương án: Bình đồ các mức khai thác, mở vỉa đứng, mặt cắt qua giếng, mặt cắt qua xuyên vỉa chính (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
5	Sơ đồ hệ thống đường lò chuẩn bị các vỉa đầu tư XDCB ban đầu (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
6	Sơ đồ tổng hợp các đường lò (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Lịch đào lò xây dựng cơ bản: Tên các đường lò, chiều dài than, đá, tiết diện đào chống, khối tích, tiến độ, thời gian thi công	
8	Lịch khai thác (trữ lượng địa chất, công nghiệp, công suất lò chợ, thời gian huy động)	
9	Bản vẽ sơ đồ giếng mỏ, sân ga, hầm trạm	
10	Bản vẽ sơ đồ hệ thống khai thác có các biểu đồ tổ chức công việc, biểu đồ nhân lực, các chỉ tiêu kỹ thuật (tỷ lệ 1/200)	
11	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
12	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
13	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phần công nghệ với kiến trúc)	
14	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hóa điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén	
15	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 và 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng (điện, nước, thông tin liên lạc)	
16	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải	
17	Mặt bằng bố trí các công trình môi trường (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
18	Bản đồ Tổng mặt bằng toàn mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), thể hiện tất cả các hạng mục công trình, mạng kỹ thuật hạ tầng	

Mẫu số 1

CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do Hạnh phúc**
Số: /TTr-.....	*....., ngày..... tháng ..... năm 201...*

TỜ TRÌNH
XIN Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ
của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thỏa thuận về quy hoạch xây dựng của.....nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của..... hoặc văn bản thỏa thuận về môi trường của...;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (về tài liệu địa chất, thỏa thuận địa điểm, giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản,.v.v.....);

(Tên Chủ đầu tư) trình xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án
2. Chủ đầu tư
3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án
4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở
5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường
6. Mục tiêu đầu tư

7. Công suất thiết kế

- Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến: .....tấn/năm.

- Tính theo sản phẩm đã chế biến: .....tấn/năm.

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chủ yếu.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các thông số chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường:.....Ha.

- Diện tích bãi thải:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án

Các nội dung khác (nếu có)

Kính đề nghị cơ quan .....tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: .....

CHỨC DANH CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Họ và tên

Mẫu số 2

CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do Hạnh phúc**
Số: /TTr-.....	*....., ngày..... tháng ..... năm 201...*

TỜ TRÌNH
XIN Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ
của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thỏa thuận về quy hoạch xây dựng của..... nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của... (hoặc văn bản thỏa thuận về môi trường của...);

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (về tài liệu địa chất, thỏa thuận địa điểm, giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản,...v.v.....);

(Tên Chủ đầu tư) trình xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ..... hầm lò..... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án
2. Chủ đầu tư
3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án
4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở
5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường
6. Mục tiêu đầu tư

7. Công suất thiết kế

- Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến:.....tấn/năm.

- Tính theo sản phẩm đã chế biến:.....tấn/năm.

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chính.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các thông số chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng các cửa lò:.....Ha.

- Diện tích khai trường khu vực lộ vỉa cần bảo vệ:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án

Các nội dung khác (nếu có)

Kính đề nghị cơ quan .....tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: .....

CHỨC DANH CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Họ và tên

Mẫu số 3

CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do Hạnh phúc**
Số: /YKTK-.....	*....., ngày..... tháng ..... năm 201...*

THAM GIA Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ
của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ.....lộ thiên.....

Kính gửi:.....

Căn cứ.....của.....quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy.....;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Xét đề nghị của....tại Tờ trình số.... ngày....tháng....năm ...về việc xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ .....lộ thiên.....;

Cơ quan tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở mỏ của.....Dự án..... thông báo kết quả tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....với các nội dung chủ yếu sau:

I. Thông tin chung về Dự án

1. Tên Dự án

2. Chủ đầu tư

3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án

4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở

5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

6. Mục tiêu đầu tư

7. Công suất thiết kế

- Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến: .....tấn/năm.

- Tính theo sản phẩm đã chế biến: .....tấn/năm.

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chủ yếu.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các chỉ tiêu chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất: ..... ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường: .....ha.

- Diện tích bãi thải: .....ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp: .....ha.

- Diện tích cho các công trình khác: .....ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án. Các nội dung khác (nếu có).

II. Các ý kiến về Thiết kế cơ sở

1. Các văn bản pháp lý của Dự án (về tư cách pháp nhân của chủ đầu tư, chủ trương đầu tư, tài liệu địa chất mỏ, thỏa thuận địa điểm xây dựng dự án).

2. Sự phù hợp của Thiết kế cơ sở với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mạng hạ tầng kỹ thuật và các quy hoạch khác có liên quan. Sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài mỏ.

3. Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật, an toàn trong khai thác mỏ, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế của phương án lựa chọn trong Thiết kế cơ sở.

4. Điều kiện, năng lực của tổ chức, cá nhân tư vấn lập Thiết kế cơ sở.

5. Tính đầy đủ và phù hợp về nội dung của Thiết kế cơ sở so với quy định tại Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4 của Thông tư số /TT-BCT ngày tháng năm 2012 của Bộ Công Thương hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.

III. Kết luận và kiến nghị

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Thiết kế cơ sở (nếu có).

- Những kiến nghị và yêu cầu đối với Chủ đầu tư.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: .....

CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 4

CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do Hạnh phúc**
Số: /YKTK-.....	*....., ngày..... tháng ..... năm 201...*

THAM GIA Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ CƠ SỞ
của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ.....hầm lò.....

Kính gửi:.....

Căn cứ.....của..... quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy.....;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Xét đề nghị của....tại Tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm... về việc xin tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ .....lộ thiên.....;

Cơ quan tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở mỏ của.....Dự án..... thông báo kết quả tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....với các nội dung chủ yếu sau:

I. Thông tin chung về Dự án

1. Tên Dự án

2. Chủ đầu tư

3. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Dự án

4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở

5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

6. Mục tiêu đầu tư

7. Công suất thiết kế

- Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến: .....tấn/năm.

- Tính theo sản phẩm đã chế biến: .....tấn/năm.

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản

- Hệ thống khai thác, các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chính.

- Dây chuyền công nghệ chế biến khoáng sản và các chỉ tiêu chủ yếu

9. Địa điểm xây dựng

10. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng các cửa lò:.....Ha.
- Diện tích khai trường khu vực lộ vỉa cần bảo vệ:.....Ha.
- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.
- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

11. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ

13. Tổng vốn đầu tư của dự án

14. Thời gian thực hiện dự án. Các nội dung khác (nếu có).

II. Các ý kiến về Thiết kế cơ sở

1. Các văn bản pháp lý của Dự án (về tư cách pháp nhân của chủ đầu tư, chủ trương đầu tư, tài liệu địa chất mỏ, thỏa thuận địa điểm xây dựng dự án)

2. Sự phù hợp của Thiết kế cơ sở với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mạng hạ tầng kỹ thuật và các quy hoạch khác có liên quan. Sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài mỏ.

3. Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật, an toàn trong khai thác mỏ, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế của phương án lựa chọn trong Thiết kế cơ sở.

4. Điều kiện, năng lực của tổ chức, cá nhân tư vấn lập Thiết kế cơ sở.

5. Tính đầy đủ và phù hợp về nội dung của Thiết kế cơ sở so với quy định tại Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4 của Thông tư số.... /TT-BCT ngày.... tháng.... năm 2012 của Bộ Công Thương hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.

III. Kết luận và kiến nghị

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Thiết kế cơ sở (nếu có).
- Những kiến nghị và yêu cầu đối với Chủ đầu tư.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: .....

CƠ QUAN THAM GIA Ý KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 5

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: /QĐ-..... *....., ngày..... tháng ..... năm 201...*

QUYẾT ĐỊNH CỦA.....(tên cơ quan phê duyệt**).....**

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....

CHỨC DANH CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Căn cứ.....của.....quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy.....;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thỏa thuận về quy hoạch xây dựng của.....nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ văn bản Tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở mỏ của.....;

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của... (hoặc văn bản thỏa thuận về môi trường của...);

Các văn bản pháp lý khác có liên quan.....;

Xét đề nghị của....tại Tờ trình số.... ngày....tháng....năm ...về việc phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ .....lộ thiên.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ.....lộ thiên.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án.

2. Chủ đầu tư.

3. Tên tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm Dự án.

4. Tên tổ chức tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở.

5. Tên tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Mục tiêu đầu tư.

7. Nội dung và quy mô đầu tư.

7.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ.

7.2. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường.

7.3. Hệ thống khai thác.

7.4. Công tác khoan nổ mìn.

7.5. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ.

7.6. Thải đất đá.

7.7. Tháo khô và thoát nước.

7.8. Cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc.

7.9. Công nghệ chế biến khoáng sản.

7.10. Vận tải ngoài.

7.11. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ.

8. Địa điểm xây dựng.

9. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường:.....Ha.

- Diện tích bãi thải:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

10. Công tác bảo vệ môi trường.

11. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính và hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.

12. Tổng mức đầu tư của Dự án

Trong đó:

- Chi phí xây dựng;

- Chi phí thiết bị;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Chi phí quản lý dự án;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí khác;
- Chi phí dự phòng.

13. Nguồn vốn đầu tư.

14. Hình thức quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án.

16. Phương thức thực hiện dự án.

17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư.

18. Các nội dung khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các cơ quan liên quan;
-
- Lưu: .....

CHỨC DANH CỦA NGƯỜI PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Họ và tên

Mẫu số 6

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: /QĐ-..... *....., ngày..... tháng ..... năm 201...*

QUYẾT ĐỊNH CỦA..... (tên cơ quan phê duyệt**).....**

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....

CHỨC DANH CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Căn cứ.....của.....quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy.....;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số... phê duyệt Quy hoạch.... (hoặc văn bản cho phép đầu tư của...; văn bản thỏa thuận về quy hoạch xây dựng của..... nếu dự án nhóm A chưa có trong Quy hoạch);

Căn cứ văn bản tham gia ý kiến về Thiết kế cơ sở mỏ của.....;

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của... (hoặc văn bản thỏa thuận về môi trường của...);

Các văn bản pháp lý khác có liên quan.....;

Xét đề nghị của.... tại Tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm... về việc phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ..... hầm lò.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ.....hầm lò.....với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án.

2. Chủ đầu tư.

3. Tên tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm dự án.

4. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Thiết kế cơ sở.

5. Tên tổ chức (hoặc cá nhân) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

6. Mục tiêu đầu tư.

7. Nội dung và quy mô đầu tư mỏ.

7.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ.

7.2. Khai thông khai trường.

7.3. Chuẩn bị khai trường.

7.4. Hệ thống khai thác.

7.5. Vận tải trong mỏ.

7.6. Thông gió mỏ.

7.7. Tháo khô và thoát nước.

7.8. Cung cấp điện, nước, khí nén và thông tin liên lạc.

7.9. Công nghệ chế biến khoáng sản.

7.10. Vận tải ngoài mỏ.

7.11. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ.

8. Địa điểm xây dựng.

9. Tổng diện tích sử dụng đất::.....Ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng các cửa lò:.....Ha.

- Diện tích khai trường khu vực lộ vỉa cần bảo vệ:.....Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp:.....Ha.

- Diện tích cho các công trình khác:.....Ha.

10. Công tác bảo vệ môi trường.

11. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính, các hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.

12. Tổng mức đầu tư của Dự án.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng;

- Chi phí thiết bị;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Chi phí quản lý dự án;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí khác;
- Chi phí dự phòng.

13. Nguồn vốn đầu tư.

14. Hình thức quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án.

16. Phương thức thực hiện dự án.

17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư.

18. Các nội dung khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các cơ quan liên quan;
-
- Lưu: .....

CHỨC DANH CỦA NGƯỜI PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Họ và tên